

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 202/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10 / 9 / 2019

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Phước Công;

2. Bà Nguyễn Thị Ly.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 445/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 318/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 274/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1981; địa chỉ: tổ 4, ấp T, xã X, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; có mặt.

Bị đơn: Ông Phan Văn U, sinh năm 1977; địa chỉ: tổ 4, ấp T, xã M, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H trình bày, sau thời gian quen biết và tìm hiểu, bà H và ông Phan Văn U kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã X vào ngày 22/11/2006. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Phan Huỳnh Nhật H, sinh ngày 09/02/2007; không có tài sản chung, nợ chung.

Sau 08 năm chung sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, không còn sống chung khoảng 04 năm nay. Gia đình hai bên biết tình trạng hôn nhân của vợ chồng và có khuyên vợ chồng hàn gắn tình cảm với nhau nhưng ông U không nghe và tự ý bỏ nhà ra đi, không quan tâm đến cuộc sống gia đình.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông U; yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu ông U cấp dưỡng nuôi dạy con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện gồm: giấy chứng nhận kết hôn số 166, quyển số 01 ngày 22/11/2006, bản sao trích lục khai sinh của Phan Huỳnh Nhật H, sinh ngày 09/02/2007 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện Chợ Mới cấp.

Bị đơn ông Phan Văn U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Bà H trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, bà H không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà H và ông U chung sống có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà H, ông U hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Xét thấy, vợ chồng không còn sống chung đã lâu. Từ khi bà H gửi đơn khởi kiện, ông U biết nhưng không có ý kiến phản hồi và không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông U theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung, đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà H, giao cháu H cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; ông U không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, đề nghị không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Huỳnh Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phan Văn U. Đồng thời, ông U cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Phan Văn U đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông U theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà H và ông U tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà H, ông U hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà H xác định, trong quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Từ đó, bà H yêu cầu được ly hôn với ông U.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, bà H và ông U không còn sống chung khoảng 04 năm nay. Bên cạnh đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông U nhưng ông U không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà H. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà H, ông U là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông U theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà H xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Phan Huỳnh Nhật H, sinh ngày 09/02/2007. Bà H yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, cháu H đang được bà H chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định; bà H yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Bên cạnh đó, khi Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến thì cháu H có nguyện vọng được sống với bà H trong trường hợp bà H, ông U ly hôn. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu H, giúp cháu H phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu H cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông U không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc H.

1. Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Ngọc H được ly hôn với ông Phan Văn U.

Giấy chứng nhận kết hôn số 166, quyển số 01 ngày 22/11/2006 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho bà Huỳnh Thị Ngọc H và ông Phan Văn U không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Huỳnh Thị Ngọc H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phan Huỳnh Nhật H, sinh ngày 09/02/2007. Ông Phan Văn U không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Huỳnh Thị Ngọc H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Phan Văn U trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2016/0013026 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 10 tháng 5 năm 2019; bà Huỳnh Thị Ngọc H đã nộp đủ án phí.

Ông Phan Văn U không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Huỳnh Thị Ngọc H có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Phan Văn U được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- UBND xã X (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Chí Bình